

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

Nguyễn Thị Hoài Dung¹

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã và đang đóng góp to lớn cho phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam. Khu vực kinh tế có vốn FDI đã phát triển nhanh và có hiệu quả, trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, nâng cao trình độ, năng lực sản xuất, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, diễn biến chính trị và kinh tế thế giới bất ổn, thương mại và đầu tư toàn cầu sụt giảm, dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu... ảnh hưởng không nhỏ tới Việt Nam trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là khu vực có vốn FDI. Vì vậy, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp thu hút FDI nhằm thực hiện các mục tiêu đã được đề ra trong “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030”.

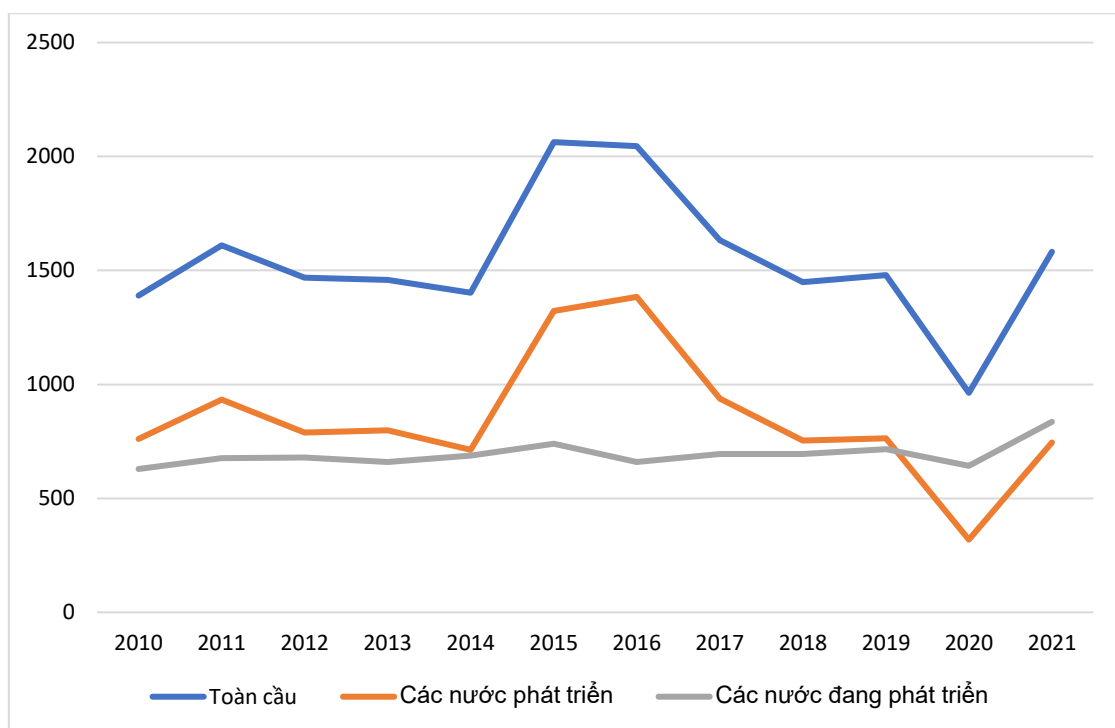
Bài viết tập trung mô tả khái quát thực trạng FDI trên toàn thế giới và ở Việt Nam trong những năm gần đây để từ đó đề xuất một số giải pháp căn bản giúp Việt Nam có thể thu hút FDI mạnh và hiệu quả hơn trong những năm tới.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài; FDI; Tăng trưởng kinh tế; Toàn cầu hóa.

1. Khái quát tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên toàn cầu những năm gần đây

Trong giai đoạn 2010-2020, dòng vốn FDI trên toàn cầu có xu hướng giảm nhẹ, tăng mạnh vào năm 2015, giảm dần vào những năm 2016-2018, giảm mạnh vào năm 2020 do ảnh hưởng của sự bùng phát dịch COVID-19 trên toàn cầu. FDI trên toàn cầu năm 2021 đạt 1582 tỷ USD, tăng 64,3% so với mức đặc biệt thấp vào năm 2020, thể hiện sự phục hồi sau COVID-19 của các nền kinh tế trên mọi lĩnh vực. Sự phục hồi do tác động đáng kể của bùng nổ thị trường mua bán và sáp nhập (M&A) và sự tăng trưởng nhanh chóng của hoạt động tài trợ dự án quốc tế tại các quốc gia trên thế giới.

¹ Phó giáo sư, Tiến sĩ - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân



Hình 1: Xu hướng FDI trên toàn cầu, các nước phát triển và đang phát triển giai đoạn 2010-2021 (Tỷ USD)

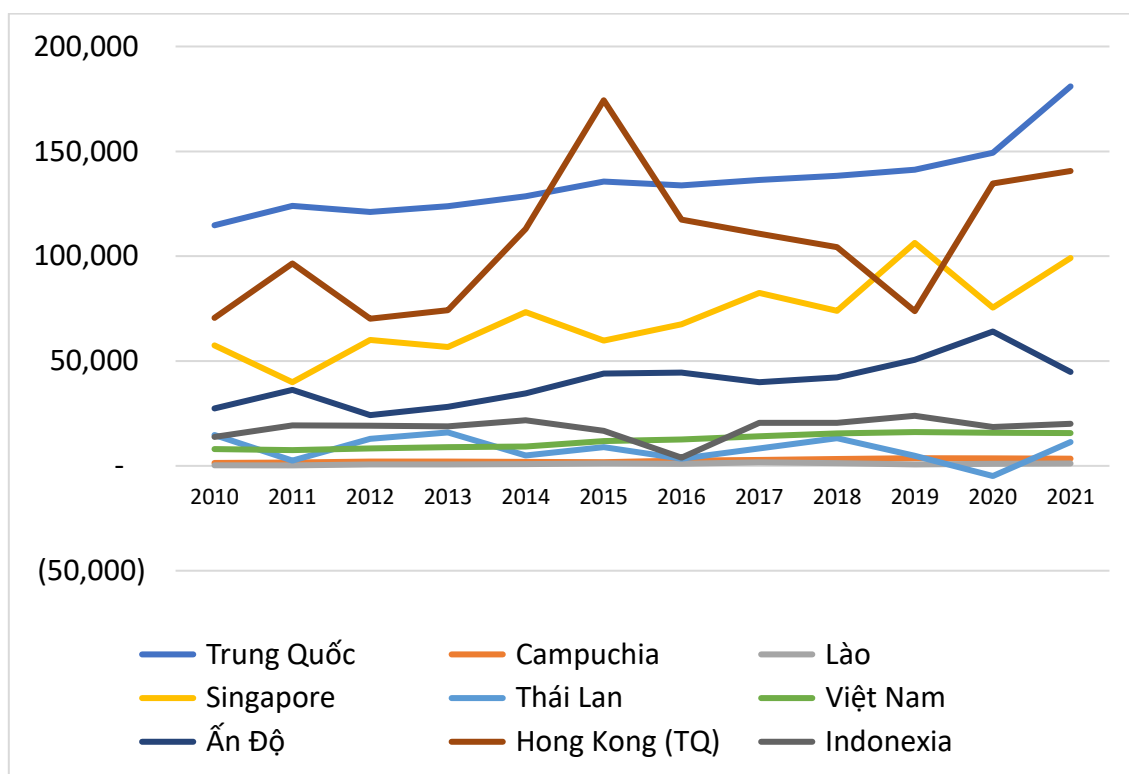
Nguồn: UNCTAD (2022)

Xu hướng FDI tại các nước phát triển diễn ra gần đúng theo xu hướng FDI trên toàn cầu. Trong khi năm 2020 dòng chảy vốn FDI vào các nước phát triển giảm sâu tới 58,2%, song năm 2021 tăng vọt lên 133,5%. Gần ¾ mức tăng FDI năm 2021 trên toàn cầu là do sự gia tăng FDI ở các nước phát triển. Tỷ lệ tăng/giảm dòng vốn FDI tại các nước đang phát triển chậm hơn nhiều so với các nước phát triển trong suốt giai đoạn 2010-2021. Năm 2021, FDI tại các nước đang phát triển đạt 836 tỷ USD, chiếm 52,8% tổng dòng vốn FDI trên toàn cầu. Có được kết quả khả quan như vậy là do trong năm 2021 FDI tăng trưởng mạnh ở khu vực các nước Châu Á, sự phục hồi một phần ở Châu Mỹ Latinh, Caribe và sự tăng trưởng nhẹ ở Châu Phi.

Môi trường toàn cầu cho hoạt động kinh doanh quốc tế và đầu tư xuyên biên giới đã thay đổi đáng kể vào năm 2022. Cuộc chiến ở Ukraine, bên cạnh những tác động kéo dài của đại dịch, đang gây ra cuộc khủng hoảng gấp ba lần về lương thực, nhiên liệu và tài chính ở nhiều quốc gia trên thế giới. Sự không chắc chắn của nhà đầu tư có thể gây áp lực giảm đáng kể đối với FDI toàn cầu vào năm 2022. Sự bùng phát của COVID-19 ở Trung Quốc, cùng với các lệnh phong tỏa ở các lĩnh vực đóng vai trò chính trong chuỗi giá trị toàn cầu tại Trung Quốc, việc tăng lãi suất, lạm phát gia tăng, tâm lý tiêu cực trên thị trường tài chính và các dấu hiệu suy thoái ở các nền kinh tế

lớn có thể đẩy nhanh quá trình suy thoái FDI trên toàn cầu trong năm 2022 và 2023. Xét về tổng thể, đà tăng trưởng năm 2021 khó có thể duy trì được lâu. Dòng vốn FDI toàn cầu vào năm 2022 và 2023 có thể sẽ di chuyển theo quỹ đạo đi xuống hoặc đi ngang.

Tăng trưởng FDI tại các nước đang phát triển thuộc khu vực Đông Á có xu hướng tương tự như ở châu Á nói chung. Tổng vốn FDI hàng năm tại các nước này chiếm tới trên dưới 50% tổng vốn FDI của tất cả các nước đang phát triển ở châu Á. Năm 2020, bất chấp đại dịch COVID – 19 bùng phát trên toàn cầu, dòng chảy vốn FDI vào các nước đang phát triển thuộc khu vực Đông Á vẫn tăng 22,55% và năm 2021 là 15,52%. Tại các nước đang phát triển thuộc khu vực Trung Á, tốc độ tăng trưởng FDI có phần chậm hơn so với các quốc gia trong khu vực.



Hình 2: Xu hướng FDI tại 1 số nước đang phát triển thuộc châu Á giai đoạn 2010-2021 (Tỷ USD)

Nguồn: UNCTAD (2022)

Trung Quốc là quốc gia tiếp nhận FDI lớn nhất thuộc châu Á, tiếp theo là Hồng Kông (Trung Quốc), Singapore, Ấn Độ, Indonesia, Việt Nam và Thái Lan. Campuchia và Lào là 02 quốc gia châu Á có khả năng thu hút FDI thấp hơn hẳn các quốc gia trong khu vực. Bất chấp dịch

COVID-19, dòng vốn FDI chảy vào Trung Quốc vẫn liên tục tăng trong 03 năm liên tiếp từ 2019-2021 với mức tăng 5,75% năm 2020 và 21,2% năm 2021.

2. Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong những năm gần đây

2.1. Tổng quan về FDI tại Việt Nam

TT	Vốn thực hiện (Tỷ USD)	Vốn đăng ký (Tỷ USD)				Số dự án			Xuất khẩu (Tỷ USD)		Nhập khẩu (Tỷ USD)
		Đăng ký cấp mới	Đăng ký tăng thêm	Góp vốn, mua cổ phần	Tổng cộng	Cấp mới (Dự án)	Tăng vốn (Lượt dự án)	Góp vốn, mua cổ phần (Lượt dự án)	Xuất khẩu (kể cả dầu thô)	Xuất khẩu (không kể dầu thô)	
2021	19,74	15,25	9,01	6,89	31,15	1.738	985	3.797	246,88	245,13	218,48
2022	22,40	12,45	10,12	5,15	27,72	2.036	1.107	3.566	276,46	274,14	234,66
So với cùng kỳ	113,5%	81,6%	112,2%	74,8%	89,0%	117,1%	112,4%	93,9%	112,0%	111,8%	107,4%

Nguồn: Vafie (2023), Báo cáo thường niên 2022 về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Số liệu về tình hình FDI tại Việt Nam giai đoạn 2021-2022 cho thấy, năm 2022 vốn FDI thực hiện và đăng ký tăng thêm đã tăng lần lượt là 13,5% và 12,2% so với năm 2021; Vốn đăng ký, vốn đăng ký cấp mới và vốn góp, mua cổ phần lại giảm lần lượt còn 89,0%, 81,6% và 74,8% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế FDI đạt 276,46 tỷ USD, xuất siêu 41,8 tỷ USD, bù đắp được nhập siêu 30,6 tỷ USD của doanh nghiệp trong nước, tạo ra kết quả xuất siêu cuối cùng năm 2022 là 11,2 tỷ USD.

2.2. FDI tại Việt Nam theo địa phương

Trong giai đoạn 2019-2022, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hà Nội và Bắc Ninh là những địa phương liên tiếp xuất hiện trong số 6 địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút FDI. Trong năm 2019 và 2020, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh luôn là 02 địa phương dẫn đầu, song trong năm 2021 và 2022 tỷ lệ thu hút vốn FDI của Hà Nội lại có xu hướng sụt giảm. Các tỉnh, thành phố trong danh mục dẫn đầu về FDI đều có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) ở mức khá, tốt và rất tốt.

Bảng 2. Một số địa phương thu hút vốn FDI lớn nhất tại Việt Nam giai đoạn 2019-2022

	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Địa phương	Tổng vốn (Tỷ USD)	Địa phương	Tổng vốn (Tỷ USD)	Địa phương	Tổng vốn (Tỷ USD)
1.	TP Hồ Chí Minh	4,36	Hải Phòng	5,26	TP Hồ Chí Minh	3,94
2.	Hà Nội	3,59	Long An	3,84	Bình Dương	3,14
3.	Bình Dương	1,88	TP Hồ Chí Minh	3,74	Quảng Ninh	2,37
4.	Hải Phòng	1,51	Bình Dương	2,13	Bắc Ninh	2,24
5.	Đồng Nai	0,93	Bắc Ninh	1,66	Hải Phòng	1,96
6.	Bắc Ninh	0,90	Hà Nội	1,52	Hà Nội	1,71

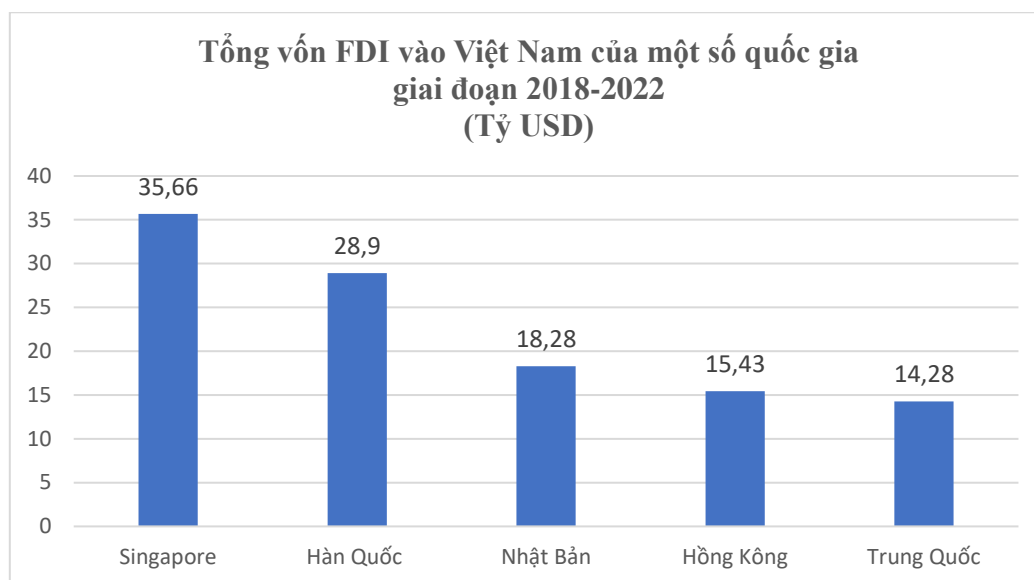
Nguồn: Vafie (2023), Báo cáo thường niên 2022 về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Nhờ nỗ lực trong cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh nên năm 2021, các địa phương như Hải Phòng, Long An đã vươn lên đứng thứ 1 và 2 trong danh sách. Năm 2022 Thành phố Hồ Chí Minh lại 1 lần nữa vươn lên dẫn đầu cả nước về thu hút FDI với tổng số vốn lên tới 3,94 tỷ USD, chiếm 14,2% tổng vốn FDI trong toàn quốc. Cũng trong năm 2022, Quảng Ninh lọt vào thứ 3 trong danh sách dẫn đầu cả nước về thu hút FDI với tổng vốn 2,37 tỷ USD, chiếm 8,5% tổng vốn FDI trong toàn quốc. Vốn đầu tư của Quảng Ninh tăng mạnh là do có dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh có tổng vốn đầu tư gần 2 tỷ USD.

2.3. FDI tại Việt Nam theo đối tác

Thực tế trong nhiều năm qua các nhà đầu tư châu Á đã đầu tư rất nhiều tiền vào Việt Nam. Cho tới nay, Việt Nam vẫn là điểm đến đầu tư ưa thích của họ. Trong 5 năm gần đây, Singapore, Hàn Quốc và Nhật Bản là 3 nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Tiếp theo là Hồng Kông (Trung Quốc) và Trung Quốc cũng có những đầu tư lớn vào Việt Nam. Theo thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong giai đoạn 2018-2022, tổng vốn đầu tư vào Việt Nam của Singapore là 35,66 tỷ USD, của Hàn Quốc là 28,9 tỷ USD, của Nhật Bản là 18,28 tỷ USD, của Hồng Kông là 15,43 tỷ USD và của Trung Quốc là 14,28 tỷ USD.

Hình 5



Nguồn: Công thông tin điện tử sở kế hoạch đầu tư (2023)

Bảng 3. Một số đối tác FDI lớn nhất tại Việt Nam giai đoạn 2021-2022

TT	Năm 2021			Năm 2022		
	Đối tác	Tổng vốn (Tỷ USD)	Tỷ lệ (%)	Đối tác	Tổng vốn (Tỷ USD)	Tỷ lệ (%)
1.	Singapore	10,71	34,4	Singapore	6,46	23,3
2.	Hàn Quốc	4,95	15,9	Hàn Quốc	4,88	17,6
3.	Nhật Bản	3,90	12,5	Nhật Bản	4,78	17,3
4.	Trung Quốc	2,92	9,4	Trung Quốc	2,52	9,1
5.	Hồng Kông	2,32	7,4	Hồng Kông	2,22	8,0
	Tổng 5 đối tác	24,80	79,6		20,86	75,3
	Tổng 101 đối tác khác	6,35	20,4	Tổng 103 đối tác khác	6,86	24,7
	Tổng 106 đối tác	31,15	100	Tổng 108 đối tác	27,72	100

Nguồn: Vafie (2023), Báo cáo thường niên 2022 về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Danh sách 05 quốc gia có vốn FDI lớn nhất ở Việt Nam giai đoạn 2021-2022 vẫn là 05 nhà đầu tư châu Á trong danh mục các nhà đầu tư có tổng vốn FDI lớn nhất tại Việt Nam giai

đoạn 2018-2022, đó là: Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông. Năm 2021 có 106 nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam với tổng vốn FDI là 31,15 tỷ USD thì 5 đối tác hàng đầu có tổng vốn FDI là 24,80 tỷ USD, chiếm tới 79,6% tổng vốn FDI trên cả nước. Năm 2022 có 108 nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam với tổng vốn FDI là 27,72 tỷ USD thì 5 đối tác hàng đầu có tổng vốn FDI là 20,86 tỷ USD, chiếm tới 75,3% tổng vốn FDI trên cả nước. Singapore vẫn luôn là đối tác có vốn FDI lớn nhất tại Việt Nam trong suốt nhiều năm qua. Tuy là đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam, nhưng EU và Hoa Kỳ vẫn chưa lọt vào danh sách 5 quốc gia có vốn FDI lớn nhất tại Việt Nam trong suốt những năm gần đây.

2.4. FDI tại Việt Nam theo ngành kinh tế

Bảng 4. Một số ngành thu hút FDI lớn nhất tại Việt Nam giai đoạn 2021-2022

TT	Năm 2021			Năm 2022		
	Ngành	Tổng vốn (Tỷ USD)	Tỷ lệ (%)	Ngành	Tổng vốn (Tỷ USD)	Tỷ lệ (%)
1.	Công nghiệp chế biến, chế tạo	18,12	58,2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	16,80	60,6
2.	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	5,71	18,3	Hoạt động kinh doanh bất động sản	4,45	16,1
3.	Hoạt động kinh doanh bất động sản	2,64	8,5	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	2,26	8,2
4.	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	1,40	4,5	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	1,29	4,7
5.	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	1,02	3,3	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	1,01	3,6
	Tổng 5 ngành	28,89	92,8	Tổng 5 ngành	25,81	93,2
	Tổng 18 ngành	31,15	100	Tổng 19 ngành	27,72	100

Nguồn: Vafie (2023), Báo cáo thường niên 2022 về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam, các nhà đầu tư nước ngoài tiến hành đầu tư vào 18 ngành (năm 2021) và 19 ngành (năm 2022). Ngành Công nghiệp chế biến,

chế tạo luôn là ngành có vốn FDI lớn nhất trong 2 năm 2021 và 2022 với tổng vốn lần lượt là 18,12 tỷ USD (chiếm 58,2%) và 16,80 tỷ USD (chiếm 60,6%). Các ngành lọt vào danh sách 5 ngành thu hút FDI lớn nhất tại Việt Nam không thay đổi trong 2 năm liên tục 2021, 2022 và tổng vốn FDI vào 5 ngành này lần lượt là 28,98 tỷ USD (chiếm 92,80%) và 25,81 tỷ USD (chiếm 93,2%).

3. Định hướng và giải pháp đẩy mạnh thu hút FDI vào Việt Nam trong những năm tới

3.1. Định hướng về FDI trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030 của Việt Nam

Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị đã đề ra mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Khắc phục căn bản những hạn chế, bất cập đang tồn tại trong xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện thể chế, chính sách về hợp tác đầu tư nước ngoài. Tạo lập môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh thuộc nhóm ASEAN 4 trước năm 2021, thuộc nhóm ASEAN 3 trước năm 2030. Đồng thời, các mục tiêu cụ thể cũng được đề xuất trong nghị quyết này.

Bảng 5. Một số mục tiêu cụ thể về FDI tại Việt Nam giai đoạn 2021-2030

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2021-2025		Giai đoạn 2026-2030	
		Tổng vốn	Bình quân / Năm	Tổng vốn	Bình quân / Năm
1.	Vốn đăng ký (Tỷ USD)	150-200	30-40	200-300	40-50
2.	Vốn thực hiện (Tỷ USD)	100-150	20-30	150-200	30-40
3.	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường, hướng đến công nghệ cao	Tăng 50% vào năm 2025 so với năm 2018		Tăng 100% vào năm 2030 so với năm 2018	
4.	Tỷ lệ nội địa hoá	Tăng từ 20-25% hiện nay, lên mức 30% vào năm 2025		Tăng lên mức 40% vào năm 2030	
5.	Tỷ trọng lao động qua đào tạo trong cơ cấu sử dụng lao động	Tăng từ 56% năm 2017 lên 70% vào năm 2025		Tăng từ 56% năm 2017 lên 80% vào năm 2030.	

Nguồn: Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019

3.2. Một số giải pháp nhằm thu hút FDI tại Việt Nam trong giai đoạn tới

- rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số

Chính sách thu hút và sử dụng vốn FDI cần chú trọng vào tăng trưởng xanh với mục tiêu giảm tiêu hao năng lượng, giảm khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính, biến rác thải thành tài nguyên.... Xu thế hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp FDI đã nhận thức được tầm quan trọng của kinh tế tuần hoàn. Việc ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn mang lại cho doanh nghiệp những kết quả to lớn trong việc hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng không (Set Net Zero), phát triển xanh (Go Green), giảm bất bình đẳng (Reduce Inequality), thúc đẩy sự hợp tác (Embrace Collaboration).... Kinh tế tuần hoàn còn tác động tích cực tới cộng đồng dân cư vì không chỉ được áp dụng trong chuỗi sản xuất mà cả chuỗi cung ứng, từ khâu trồng trọt, sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, cần hoàn thiện thể chế, luật pháp và các chính sách khuyến khích phát triển đa dạng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong cộng đồng doanh nghiệp và dân cư. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư tiếp nhận được các dự án đầu tư mới với những chính sách ưu đãi cao về các loại thuế, tài trợ của Nhà nước, ưu đãi tín dụng với lãi suất thấp... nhằm tạo điều kiện về vốn, công nghệ, nhân lực khi thực hiện mô hình tăng trưởng mới.

Xu hướng chuyển đổi số đòi hỏi phải thu hút nhiều hơn các doanh nghiệp đa quốc gia (MNEs) trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, công nghệ tương lai từ các nước phát triển. Vì vậy, Chính phủ cần ban hành đồng bộ các chính sách ưu đãi đặc biệt đối với các dự án công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển, Trung tâm đổi mới và sáng tạo.

- Định hướng thu hút FDI phù hợp với quy hoạch phát triển của từng địa phương và quy hoạch lãnh thổ

Những dự án sản xuất và dịch vụ mà khu vực kinh tế tư nhân trong nước có khả năng thực hiện thì dành cho nhà đầu tư Việt Nam. Chọn lọc các dự án FDI tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn vào thu ngân sách, tăng trưởng kinh tế, có tác dụng lan tỏa đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Những địa phương đã đạt được kết quả cao trong thu hút FDI trong những năm qua, như đã nêu ở trên, trong những năm tới nên tập trung thu hút các dự án FDI có công nghệ hiện đại, công nghệ tương lai, công nghệ tiên tiến, không khuyến khích các dự án FDI thâm dụng lao động. Những địa phương chưa thu hút được nhiều các dự án FDI, có ít khu công nghiệp thì nên đầu tư bằng vốn ngân sách cho các dự án có liên quan tới nâng cấp cơ sở hạ tầng (điện, đường giao thông, viễn thông, đào tạo nghề....) nhằm giúp các địa

phương này bước đầu có khả năng thu hút các dự án FDI liên quan đến sử dụng nhiều lao động tại chỗ, các dự án FDI trong lĩnh vực du lịch, trồng trọt..., sau đó mới tiến tới thu hút các dự án có giá trị gia tăng cao hơn trong các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ khác.

- Nâng cao tỷ lệ vốn FDI đăng ký và tăng cường thu hút các tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào Việt Nam

Như đã phân tích ở trên, trong suốt nhiều năm các quốc gia châu Á vẫn là những quốc gia có vốn FDI lớn nhất tại Việt Nam (Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông...). Trong thời gian tới, cần tiếp tục nâng cao tỷ lệ vốn FDI từ các quốc gia châu Á, đồng thời cần có giải pháp thu hút mạnh mẽ hơn FDI từ các quốc gia châu Âu (Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Nga, Anh) và đặc biệt là Hoa Kỳ. Trong “Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030”, Chính phủ đã công bố mục tiêu trong giai đoạn 2021-2025 cần nâng cao tỷ lệ vốn FDI từ Hoa Kỳ lên 70% và 75% trong giai đoạn 2026-2030. Năm 2023 một số nước như Hoa Kỳ, EU bắt đầu áp dụng cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu. Vì vậy, để thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam cần sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp lý có liên quan đến cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu nhằm ứng phó có hiệu quả, tăng nguồn thu ngân sách, tạo môi trường pháp lý hấp dẫn các nhà đầu tư quốc tế. Việt Nam cần tăng số lượng các tập đoàn đa quốc gia thuộc nhóm 500 tập đoàn đa quốc gia mạnh nhất thế giới do tạp chí Fortune (Hoa Kỳ) xếp hạng đến đầu tư tại Việt Nam.

Việt Nam cần nghiên cứu so sánh với các chính sách hỗ trợ nhà đầu tư nước ngoài ở các nước lân cận để tăng khả năng cạnh tranh thu hút FDI. Đồng thời, cũng cần sớm giải quyết một số vướng mắc và một số khó khăn mà các nhà đầu tư thấy chưa hợp lý, chưa rõ về căn cứ thực thi. Ví dụ như vấn đề giấy phép lao động, cấp visa và cấp thẻ tạm trú, quy định phòng cháy, chữa cháy...

Kết luận: Thu hút FDI được xem là một trong những điểm sáng và là thành tựu nổi bật của Việt Nam trong nhiều năm gần đây. Dòng vốn FDI đã được nhìn nhận như là một trọng những “trụ cột” tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Vì vậy, trong thời gian tới Việt Nam cần phải có các cách tiếp cận mới trong việc thu hút dòng vốn FDI cũng như các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả khai thác lợi ích do dòng vốn này đem lại, góp phần hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB (2023), Báo cáo Triển vọng Phát triển Châu Á, tổ chức ngày 4 tháng 4 tại Hà Nội.
2. Cổng thông tin điện tử sở kế hoạch đầu tư (2023), Việt Nam: Thu hút mạnh FDI từ đâu trong năm 2023?, truy cập ngày 30 tháng 4 năm 2023,
từ <https://www.quangninh.gov.vn/so/sokhdt/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=2072>
3. Đại hội Đảng XIII (2021), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2021.
4. IMF(2023), Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới, tháng 1 năm 2023.
5. Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.
6. Quốc hội (2020), Luật đầu tư, ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020
7. Quốc hội (2022), Mục tiêu tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023, thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2022.
8. Tổng cục thống kê (2023), Tổng quan dự báo tình hình kinh tế thế giới quý I và cả năm 2023, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/03/tong-quan-du-bao-tinh-hinh-kinh-te-the-gioi-quy-i-va-ca-nam-2023/>
9. Unctad (2022), Báo cáo đầu tư toàn cầu 2022
10. UNDESA (2022), Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới năm 2022
11. Vafie (2022), Báo cáo thường niên về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nhà xuất bản Dân trí, tháng 5 năm 2022, Hà Nội.
12. Vafie (2023), Báo cáo thường niên 2022 về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nhà xuất bản Xây dựng, tháng 3 năm 2023, Hà Nội.
13. WTO (1996), Trade and foreign direct investment, PRESS/57 9 October 1996, truy cập ngày 16 tháng 4 năm 2023 từ https://www.wto.org/English/news_e/pres96_e/pr057_e.htm
14. WB (2023), Báo cáo Điểm lại của Ngân hàng Thế giới, Công bố ngày 13 tháng 3

FOREIGN DIRECT INVESTMENT IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF GLOBALIZATION

Nguyen Thi Hoai Dung

Foreign direct investment (FDI) projects have greatly contributed to Vietnam's socio-economic development. The FDI economic sector has developed rapidly and effectively, becoming an important part of Vietnam's economy, contributing to creating jobs and incomes for workers and improving production qualifications and capacity. output, stabilize the macro-economy, and promote economic restructuring. However, in recent years, unstable political and economic developments in the world, the decline in global trade and investment, epidemics, natural disasters, climate change... all sectors of the economy, especially the FDI sector. Therefore, Vietnam needs to synchronously implement solutions to attract FDI to realize the goals set out in the "10-year socio-economic development Strategy 2021-2030".

The article briefly describes the current situation of FDI worldwide and in Vietnam in recent years, proposing some basic solutions to help Vietnam attract FDI more strongly and effectively in the coming years. next year.

Keywords: *Economic growth; Foreign direct investment; Globalization.*